

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 02

Sửa đổi tên và giới hạn các đoạn, tuyến đường trong Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HDND ngày /5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (21 đoạn, tuyến)

1. Phường An Xuyên (04 đoạn, tuyến)

b) Các đoạn, tuyến đường tại các khu dân cư trên địa bàn phường An Xuyên

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Khu tiểu thủ công nghiệp An Xuyên (Khu B)				
1	37	Đường số 14	Đường số 15 (tên cũ Đường số 05)	Đường số 01 (Khu D)	6.400
2	42	Đường số 11 (tên cũ: Đường số 6)	Toàn tuyến		6.400
3	74	Đường số 13 (tên cũ: Đường số 10)	Toàn tuyến		10.088
	Khu dân cư Khu D. Phường Tân Xuyên (cũ)				
4	138	Đường số 11	Toàn tuyến (tên cũ: Đường số 07)		7.800

2. Phường Tân Thành (05 đoạn, tuyến)

a) Các đoạn, tuyến đường trên địa bàn phường Tân Thành

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	120	Chung Thành Châu	Hùng Vương (tên cũ: Trần Hưng Đạo)	Đường số 03 thuộc khu dân cư Hồ Chợ phường 5 (đường 30/4 nối dài) (tên cũ: Hùng Vương)	12.000
2	128	Đường Bà Triệu	Đường 3/2	Đường Mậu Thân (tên cũ: Đường Nguyễn Bính)	12.000
3	142	Đường Danh Thị Tươi	Tôn Đức Thắng	Dương Thị Cẩm Vân (tên cũ: Ngô Gia Tự)	11.000

b) Các tuyến đường tại các khu dân cư trên địa bàn Phường Tân Thành

<i>Dự án nhà ở Thương mại An Sinh</i>					
1	42	Đường số 23	Đường số 1	Hết ranh dự án (tên cũ: Đường số 6)	7.300
2	45	Đường số 27	Đường số 14	Hết ranh dự án (tên cũ: Đường số 6)	5.800

3. Phường Hòa Thành (03 đoạn, tuyến)

1	18	Đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn 2 chiều) (tên cũ: Đường Cà Mau - Đầm Dơi)	Đường Hải Thượng Lãn Ông	hết đoạn 2 chiều	9.600
2	47	Đường số 11 (tên cũ:Đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn 2 chiều))	Hải Thượng Lãn Ông (tên cũ: Ranh phường 6)	Cổng Hợp (qua kênh Cổng Đôi) (tên cũ: Giáp ranh phường 7 (Cổng Hợp qua kênh Cổng Đôi))	5.900
3	48	Đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn 1 chiều) (tên cũ: Đường Cà Mau - Đầm Dơi)	hết đoạn 2 chiều (tên cũ: Ranh phường 7)	Vòng xoay cầu Hòa Trung (hai bên tuyến)	1.500

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

4. Phường Lý Văn Lâm (01 đoạn, tuyến)

b) Các đoạn, tuyến đường tại các khu dân cư trên địa bàn xã Lý Văn Lâm

1	55	Đường số 04	đường số 07	Đường Ninh Bình (tên cũ: Đường số 6C)	4.500
---	----	-------------	-------------	--	-------

5. Phường Giá Rai (02 đoạn, tuyến)

1	45	Đường Hộ Phòng - Gành Hào	Cầu Lộ cũ (tên cũ: Giáp ranh Phường 1 (cũ))	Giáp ấp Đầu Lá xã Long Điền	2.000
2	245	Các đoạn, tuyến đường còn lại đã đầu tư hạ tầng có chiều rộng lớn hơn 2m đến ≤ 3 m (tên cũ: Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng ≤ 2 m)			480

6. Phường Láng Tròn (03 đoạn, tuyến)

1	10	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 1) (tên cũ: Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 3))	Quốc lộ 1 (cổng Đốc Béc)	Ranh phía bắc nhà ông Cao Văn Ghê	400
2	11	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 1) (tên cũ: Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 3))	Quốc lộ 1 (chùa Hưng Phương Tự)	Cổng Xóm Lung	400
3	12	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 2) (tên cũ: Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 3))	Quốc lộ 1 (cổng Tư Hảy)	Ngã 3 Thiết	400

7. Phường Hiệp Thành (01 đoạn, tuyến)

1	1	Cao Văn Lầu (tên cũ: Cao Văn Lầu (Phía bên trái theo hướng từ cầu Kim Sơn ra biển))	giáp ranh phường Bạc Liêu và phường Vĩnh Trạch (ngã 3 đường Ninh Bình và đường Cao Văn Lầu)	Đường vào Tiểu đoàn 1	3.500
---	---	---	---	-----------------------	-------

8. Phường Bạc Liêu (02 đoạn, tuyến)

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	137	Đường Trà Uôl	Trần Bình Khuôl (tên cũ: Đường vào trạm Vật lý Địa cầu (Đường số 11 DA Bến xe))	Ranh Phường 8	950
2	133	Đường Trà Văn	Đầu lộ ngã 5 Vòng xoay	Ngã 3 tiếp giáp với hẻm 5 đường Nguyễn Văn Cừ (tên cũ: 60 m đầu (Tên cũ: 30m đầu))	4.600

II. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN (94 đoạn, tuyến)

1. Xã Tạ An Khương (02 đoạn, tuyến)

1	11	Tuyến đường trục chính Đông - Tây (tên cũ: Tuyến Đông - Tây)	Cầu Mương Điều	Giáp xã Tạ An Khương Nam cũ (tên cũ: Giáp xã Tạ An Khương Nam)	900
2	23	Tuyến đường trục chính Đông - Tây (tên cũ: Tuyến đường trục chính Đông - Tây)	Giáp xã Tạ An Khương cũ (tên cũ: Toàn tuyến đi qua địa bàn xã Tạ An Khương)	Giáp xã Tân Thuận	600

2. Xã Sông Đốc (08 đoạn, tuyến)

1	4	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Đất Chi nhánh Bảo Hiểm, ấp 1	Hết ranh đất Chùa Thiên Hậu, ấp 1 (tên cũ: hết ranh đất Chùa bà K1)	4.720
2	34	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Võ Thanh Sang, ấp 7 (tên cũ: hẻm nhà ông Phạm Thanh Bình, ấp 7)	Hết ranh đất bà Lý Kim Lợi (tên cũ: hết ranh đất ông Trần Quốc Việt)	2.440
3	35	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Trần Văn Khánh, ấp 7 (tên cũ: ranh đất ông Đặng Văn Đang, ấp 7)	Hết ranh đất bà Triệu Thị Phụng, ấp 7 (tên cũ: hết ranh đất ông Trần Minh Hoàng, ấp 7)	2.770
4	39	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hàng rào bên trong xí nghiệp CBTS Sông Đốc	Lộ Trung tâm bờ Bắc Sông Đốc (tên cũ: Phạm Thanh Diệu, ấp 7)	2.770

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
5	55	Bờ Đông kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Kiều Minh Thành, Ấp 10	Hết ranh đất ông Trần Quang Tân, ấp 10 (tên cũ: Lộ Trung tâm bờ Bắc Sông Đốc)	1.500
6	57	Kênh xáng Nông Trường (2 bên)	Đất ông Trần Ngọc Minh, Ấp 10	Giáp kênh Nhiêu Đáo, ấp 12 (tên cũ: Giáp kênh Phú Lý, Ấp 12)	1.250
7	66	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hàm giáp ranh đất ấp 8,9 (bà Đoàn Thị Len), ấp 9 (tên cũ:Hèm nhà bà Đoàn Thị Loan, Ấp 9)	Kênh xáng Nông trường, Ấp 9	800
		Khu đô thị dân cư ấp 9, bờ bắc Sông Đốc (Khu dân cư Quang Tiễn)			
1	125	Đường số 35	Vòng xoay cầu Sông Ông Đốc (bờ Bắc)	Hết ranh đất khu dân cư ấp 9, bờ bắc Sông Đốc (khu dân cư Quang Tiễn) (tên cũ: Ranh dự án Khu đô thị, dân cư Khóm 9).	10.000

3. Xã Đất Mới (04 đoạn, tuyến)

1	75	Ấp 3 (tên cũ: Khóm 3)	Đường Hùng Vương	Đến trụ sở khóm 3	3.530
2	76	Ấp 3 (tên cũ: Khóm 3)	Cầu Kênh Tắc cặp theo sông Cái Nai	Ranh đất công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn	1.200
3	77	Ấp 3 (tên cũ: Khóm 3)	Cầu Kênh Tắc cặp theo sông Cái Nai	Trụ sở sinh hoạt Văn hóa khóm 3	1.550
4	78	Ấp 3 (tên cũ: Khóm 3)	Hết khu vực dãy 19 căn		1.270

4. Xã Năm Căn (01 đoạn, tuyến)

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	95	Áp Hàng Vịnh	Cầu Kênh Xáng	Cầu ông Do (trừ đoạn qua khu tái định cư khu kinh tế Năm Căn) (tên cũ: cầu ông Do)	1.550

5. Xã Nguyễn Việt Khái (03 đoạn, tuyến)

1	15	Trung tâm chợ cái Bát (tên cũ: Các tuyến khác)	Đường về trụ sở UBND xã mới (Hướng Bắc)	Đến ngã ba giáp lộ Tiểu vùng X	560
2	32	Lộ Cái Nước - Cái Đồi Vàm	Cổng Lung Heo	Cầu Bào Láng (tên cũ: Cổng Mới)	250
3	33	Tuyến Kênh Năm về chợ Cái Bát	Cầu Kênh 5	Cầu Cổng Mới (tên cũ: không có)	210

6. Xã Trần Phán (01 đoạn, tuyến)

1	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $\leq 2\text{m}$ (tên cũ: 'Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $< 2\text{m}$)				220
---	---	--	--	--	-----

7. Cái Nước (01 đoạn, tuyến)

1	64	Hẻm số 4 (sau kho Thương nghiệp cũ), thị trấn Cái Nước cũ (tên cũ: Hẻm số 4 (sau kho Thương nghiệp cũ), xã Trần Thới cũ)	Lương Định của (tên cũ: Đường 2 tháng 9)	Hẻm số 2	1.590
---	----	--	--	----------	-------

8. Xã Long Điền (11 đoạn, tuyến)

1	10	Đường Long Điền Tiến	Bắt đầu từ đầu đường Long Điền Tiến (giáp Giáp đường Giá Rai - Gành Hào) (tên cũ: Bắt đầu từ đầu đường Long Điền Tiến (giáp Giáp Giá Rai - Gành Hào)	Đến Cầu Ngã Tư	500
2	11	Thạnh 2 - Cây Dương (tên cũ: Thạnh II - Cây Dương)	Bắt đầu từ cầu Ngã Tư	Đến Cầu Đường Đào	500
3	12	Hòa 1 - Đại Điền (tên cũ: Hòa I - Đại Điền)	Bắt đầu từ đầu đường Giá Rai - Gành Hào (tên cũ: Bắt đầu từ đầu đường Giá Rai - Gành Hào)	Đến Cầu Thanh Niên	340

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
4	15	Đường Giá Cần Báy	Bắt đầu từ đầu đường Giá Rai - Gành Hào	Đến giáp ranh Phường Giá Rai (tên cũ: Đến giáp ranh Phường 1)	340
5	19	Đường lộ cũ Cây Giang (tên cũ:Đường lộ cũ Cây Giannng)	Bắt đầu từ giáp lộ Chợ Cây Giang	Đến giáp ranh ấp 4, xã Đông Hải	340
6	22	Đường GTNT Hòa Thạnh - Thạnh 2, xã Long Điền (tên cũ: Đường GTNT Hòa Thạnh - Thạnh II, xã Long Điền)	Bắt đầu từ cầu Hòa Thạnh	Đến Long Điền Tiến, lộ nhựa	340
7	24	Đường Hộ Phòng-Gành Hào	Bắt đầu từ Ấp Đầu Lá (giáp ranh phường Giá Rai) (tên cũ: Bắt đầu từ Ấp Đầu Lá)	Đến cầu kênh Chùa ấp Cây Dương A	1.100
8	41	Đường dự án muối	Bắt đầu từ kinh Dân Quân	Đến trạm Bơm số 3 giáp đường Giồng Nhãn - Gò Cát (tên cũ: Đến trạm Bơm số 3)	500
9	45	Đê Trường Sơn - Gò Cát - Long Điền Đông	Từ giáp ranh xã Đông Hải	Đến kênh Huyện Kê (tên cũ: Đến giáp ranh xã Đông Hải)	700
10	47	Đường vào khu dân cư xã Long Điền (tên cũ: Đường 2 dãy nhà thu nhập thấp (nhà ở xã hội))	Hết tuyến		2.200
11	52	Ấp Gò Cát	Giáp đường Giồng Nhãn – Gò Cát (nhà ông Cao Văn An)	Giáp Đê Biển Đông (trạm Kiểm Lâm) (tên cũ: Giáp Đê Trường Sơn (Trạm kiểm lâm))	500

9. Xã Vĩnh Mỹ (07 đoạn, tuyến)

1	2	Tuyến đường ấp 21 (tên cũ: Tuyến đường ấp 22)	Bắt đầu từ nhà ông Nghiêm	Đến nhà ông Thông	1.200
2	3	Tuyến đường ấp 21 (tên cũ: Tuyến đường ấp 23)	Bắt đầu từ cầu xã Minh Diệu	Đến chùa Địa Chuối đường đi xã Vĩnh Bình	500

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3	38	Quốc lộ 1 (tên cũ: Quốc lộ 2)	Bắt đầu từ hết ranh đất Nhà thờ	Đến cầu số 2 (Cầu Cái Hưu)	3.600
4	39	Quốc lộ 1 (tên cũ: Quốc lộ 3)	Bắt đầu từ cầu số 2 (Cầu Cái Hưu)	Đến cầu số 3 (Cầu Vĩnh Mỹ)	3.600
5	40	Quốc lộ 1 (tên cũ: Quốc lộ 4)	Bắt đầu từ cầu số 3 (Cầu Vĩnh Mỹ)	Đến cầu Xóm Lung	2.900
6	51	Đường Chệt Niêu- Đồng Lớn 2 (tên cũ: Đường Chệt Niêu- Đồng Lớn 3)	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Phong 21	Đến giáp ranh phường Láng Tròn (Tên cũ: Đến giáp ranh thị xã Giá Rai)	400
7	52	Đường Chệt Niêu- Đồng Lớn 2 (tên cũ: Đường Chệt Niêu- Đồng Lớn 4)	Bắt đầu từ cầu Nhà ông Thi	Giáp ranh thị xã Giá Rai	400

10. Xã Phong Hiệp (02 đoạn, tuyến)

1	75	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ kênh 2000, trên lộ (tên cũ: Bắt đầu từ kênh 4000, trên lộ)	Đến giáp xã Trí Phải.	580
2	76	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ kênh 2000, dưới lộ (tên cũ: Bắt đầu từ kênh 4000, dưới lộ)	Đến giáp xã Trí Phải.	520

11. Xã Phước Long (03 đoạn, tuyến)

1	15	Đường Yên Mô	Bắt đầu từ kênh Cộng Hòa	Đến kênh Tài Chính (kênh giữa) (tên cũ: Đến kênh Tài chính)	1.850
2	150	Tuyến đường dọc Kênh Tây Lác (tên cũ: Tuyến Kênh Tây Lác)	Bắt đầu từ cầu Tây Mập (nhà ông Tám Ý) (tên cũ: Bắt đầu từ Giáp ranh ấp Long Đức)	đến ngã tư kênh tư Hùng (nhà ông Châu Văn Nhanh) (tên cũ: đến ngã tư nhà ông Châu Văn Nhanh (Kênh Tư Hùng))	340
3	160	Tuyến đường Vành Đai thuộc ấp Phước Hòa A (tên cũ: Tuyến đường Cựa Gà (ấp Mỹ Tân)	Bắt đầu từ ngã ba Năm Cù	Đến kênh 6.000 (nhà ông Phan Văn Đơ)	400

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

12. Xã Vĩnh Phước (02 đoạn, tuyến)

1	76	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lược (tên cũ: Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lược; Trên lộ)	Đến cầu Phó Sinh, trên lộ (tên cũ: Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lược; Trên lộ)	760
2	77	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lược (tên cũ: Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lược; Dưới lộ)	Đến cầu Phó Sinh, dưới lộ (tên cũ: Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lược; Dưới lộ)	650

13. Xã Châu Thới (07 đoạn, tuyến)

1	4	Đường 19/5 (tên cũ: Đường 19/6)	Cách UBND xã 300 m về hướng Đền thờ Bác	Đến Đền Thờ Bác	850
2	14	Đường Cai Điều-Giồng Bướm A (tên cũ: Đường Cái Điều-Giồng Bướm A)	Bắt đầu từ ranh đất trường học Cai Điều	Đến cầu Giồng Bướm A (tên cũ: Đến cầu miếu Đá Trắng)	340
3	74	Đường Miếu Chủ Hai - 8 Hổ	Bắt đầu từ Miếu Chủ Hai	Đến hết ranh đất nhà ông Nhung (tên cũ: Đến hết ranh đất nhà Ông 8 Hổ)	340
4	104	Đường dẫn lên Cầu vượt Vĩnh Hưng (tên cũ: Đường dẫn lên Cầu Mới Vĩnh Hưng)	Bắt đầu từ Lộ Nấn Cua - Cầu Sập	Đến cầu Vĩnh Hưng (cầu vượt Vĩnh Hưng) (tên cũ: Đến cầu Mới Vĩnh Hưng)	1.100
5	106	Lộ Nguyễn Điền	Bắt đầu từ cầu Bà Đô	Đến giáp ranh thành phố Cần Thơ (tên cũ: Đến giáp ranh Sóc Trăng)	340

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
6	146	Đường tránh chợ Vĩnh Hưng	Bắt đầu từ đường Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Đến đường dẫn lên cầu vượt Vĩnh Hưng (tên cũ: Đền đường dẫn lên cầu vượt)	800
7	147	Đường D7	Bắt đầu từ giáp đường Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Đến đường tránh chợ Vĩnh Hưng (tên cũ: Đền cuối tuyến)	800

14. Xã Hồng Dân (22 đoạn, tuyến)

1	22	Khu tái định cư ấp Nội Ô (tên cũ: Khu tái định cư, ấp Bà Hiên)	Đường Hai Bà Trưng (từ kênh xáng)	Đến rạch Ngan Dừa - Tà Ben	2.600
2	23	Khu tái định cư ấp Nội Ô (tên cũ: Khu tái định cư, ấp Bà Hiên)	Dãy nhà tiếp giáp hệ thống thoát nước vòng sau hậu đường Hai Bà Trưng		1.600
3	24	Khu tái định cư ấp Nội Ô (tên cũ: Khu tái định cư, ấp Bà Hiên)	Dãy nhà dành cho hộ có thu nhập thấp (Lô III)		1.300
4	43	Ấp Thống Nhất, đoạn từ Cầu Kè đến lộ Thống Nhất II (tên cũ: Ấp Bà Gò, đoạn từ Cầu kè đến lộ Thống Nhất II)	Bắt đầu từ đầu lộ (giáp lộ Thống Nhất)	Đến 60m	1.000
5	44	Ấp Thống Nhất, đoạn từ Cầu Kè đến lộ Thống Nhất II (tên cũ: Ấp Bà Gò, đoạn từ Cầu kè đến lộ Thống Nhất II)	Bắt đầu từ 60m tiếp theo	Đường Trần Hưng Đạo (Tên cũ: Đền giáp lộ Thống Nhất II)	700
6	45	Ấp Thống Nhất, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hòa (tên cũ: Ấp Bà Gò, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà)	Bắt đầu từ cầu Xẻo Vệt (bến phà cũ)	Đến hết ranh đất ông Sáu Bùi	600

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
7	46	Áp Thống Nhất, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hòa (tên cũ: Ấp Bà Gò, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà)	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Sáu Bùi	Đến hết ranh đất ông Trịnh Văn Tổng	500
8	47	Áp Thống Nhất, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hòa (tên cũ: Ấp Bà Gò, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà)	Bắt đầu từ cầu ông Ba Mậu	Đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà (cũ)	450
9	69	Áp Nội Ô, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II (tên cũ: Khu III, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Thị Bé Sáu	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Ngươi	2.000
10	70	Áp Nội Ô, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II (tên cũ: Khu III, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Ngươi	Đến hết sân Tennis	1.400
11	71	Áp Nội Ô, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II (tên cũ: Khu III, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II)	Bắt đầu từ hết ranh đất sân Tennis	Đến đường Trần Hưng Đạo (Tên cũ: Đến lộ Thống Nhất II)	1.000
12	77	Khu III, đoạn nối giữa dốc cầu Gia Diễn với đường Ngô Quyền (tên cũ: Ngan Dừa -Ninh Hòa - Ninh Quới)	Bắt đầu từ dốc cầu Gia Diễn	Đến ngã 4 đường Ngô Quyền	900
13	82	Áp kênh xáng	Bắt đầu từ kênh thủy lợi ông Ca Văn Ngọc	cầu Bà Hiên (tên cũ: Đến giáp xã Ninh Hoà (Cầu bà Hiên))	600
14	91	Áp Đầu Sáu Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thị Diện	cầu Lung Nia (tên cũ: Đến giáp ranh xã Ninh Hòa)	300

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
15	113	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh Lộc A (tên cũ: Tuyến lộ 63 (DT78))	Cầu 6.000 (Trạm Y tế) (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất Trạm Y tế)	Giáp ranh xã Ninh Quới (tên cũ: Đến Giáp ranh xã Ninh Quới A (Cầu 3.000))	500
16	114	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh Lộc A (tên cũ: Tuyến lộ 63 (DT78))	Bắt đầu từ cầu 6.000 (Ninh Thạnh II)	Đến hết ranh đất bà Lê Thị Hương (giáp cầu 7.000)	500
17	115	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh Lộc A (tên cũ: Tuyến lộ 63 (DT78))	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Phi (cầu 7.000)	Đến Giáp ranh xã Lộc Ninh (hết ranh đất ông Trần Văn Bá)	500
18	127	Đường ĐH.04 - phía đông kênh Ngan Dừa (tên cũ: Tuyến Ninh Phước - Tà Óc - Ninh Thạnh 3)	Bắt đầu từ ranh đất ông Mười Sộp	Giáp ranh ấp bà Hiên (tên cũ: Đến Cầu Bà Hiên thị trấn Ngan Dừa)	400
19	142	Tuyến Kênh Xáng Hoà Bình	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Hậu (giáp xã Phước Long, bờ Tây)	Giáp ranh xã Lộc Ninh cũ (đất ông Trần Văn Chánh (tên cũ: Đến Giáp ranh xã Lộc Ninh (đất ông Trần Văn Chánh))	300
20	145	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	ranh đất ông Nguyễn Văn Hồng (bờ đông) (tên cũ: Nguyễn Văn Hồng - Bờ Đông)	Đến hết ranh đất nhà bà Phan Thị Đẹp (ngã tư Sáu Bàng)	300
21	151	Ấp Tà Ky - Tuyến Xóm Lá	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Hoàng Huynh	kênh 9.000 giáp ranh xã Lộc Ninh cũ (tên cũ: Đến kênh 9.000 giáp ranh xã Lộc Ninh)	300
22	153	Tuyến 9.000	ranh đất Công An huyện cũ (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất Công An Huyện)	Đến nhà ông Phan Út Lớn	300

15. Xã Ninh Quới (07 đoạn, tuyến)

1	77	Lộ nông thôn (tên cũ: Kênh Tư Tào (đường phía Đông))	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Vũ Phấn (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Vũ Phưởng)	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Xem	350
---	----	--	---	-----------------------------------	-----

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2	78	Lộ nông thôn (tên cũ: Kênh Tư Tào (đường phía Đông))	Cầu Bà Âu (tên cũ: từ cầu nhà bà Âu)	hết ranh đất ông Tám Thay (tên cũ: Nhà ông Tám Thay)	530
3	79	Lộ nông thôn (tên cũ: Kênh Tư Tào (đường phía Đông))	Ranh đất ông Cọp (tên cũ: Từ nhà ông Cọp)	Gáp ranh đất ấp Ninh An xã Hồng Dân	350
4	80	Lộ nông thôn (tên cũ: Kênh Tư Tào (đường phía Đông))	Ranh đất ông Trần Văn Bon (tên cũ: Từ đất nhà ông Trần Văn Bon)	hết ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng (tên cũ: Nhà Nguyễn Văn Dũng)	350
5	81	Lộ nông thôn (tên cũ: Kênh Tư Tào (đường phía Đông))	Nhà Lý Hùng	Giáp ranh phường Mỹ Quới	280
6	82	Lộ nông thôn (tên cũ: Kênh Tư Tào (đường phía Đông))	Cầu Ba Gió	Giáp ranh đất ấp Tà Ốc (tên cũ: Giáp ranh ấp Tà Ốc)	350
7	83	Kênh Cô Cai (tên cũ: Kênh Tư Tào (đường phía Đông))	Từ cầu sắt	Hết ranh đất ông Trần Văn Hải	500

16. Xã Vĩnh Lộc (09 đoạn, tuyến)

1	7	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh lộc A (tên cũ: Chợ Cầu Đỏ)	Bắt đầu từ cầu Ngan Dọt	Đến Cầu nhà Võ Thị Á	500
2	9	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh lộc A (tên cũ: Đường Liên xã)	Bắt đầu từ ngã 3 - ranh đất ông Phạm Văn Sự	Đến Cầu Trắng Hoà Bình	600
3	10	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh lộc A (tên cũ: Đường Liên xã)	Bắt đầu từ cầu Trắng Hoà Bình	Đến Cầu Chùa Sơn Trắng	500
4	11	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh lộc A (tên cũ: Đường Liên xã)	Bắt đầu từ cầu Chùa Sơn Trắng	Đến Giáp xã Hồng Dân (Tên cũ: Lộc Ninh)	500
5	29	Tuyến Kênh Trạm Y Tế	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Hạnh	Đến hết ranh đất nhà ông Định Văn Dũng (tên cũ: Đến hết ranh đất nhànà ông Định Văn Dũng)	500

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
6	30	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh lộc A (tên cũ: Lộ Mới đoạn nối Vĩnh Lộc - Vĩnh Lộc A)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Ngọc	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Phương	600
7	37	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh lộc A (tên cũ: Tuyến Bến Bào về Ba Đình)	Bắt đầu từ ranh đất ông Tiêu Chí Long	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tỷ	600
8	38	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh lộc A (tên cũ: Tuyến Vĩnh Lộc-Vĩnh Lộc A)	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã Vĩnh Lộc A cũ	Đến cầu nhà bà Võ Thị A (Tên cũ: Đến cầu nhà Võ Thị A)	500
9	41	Sông Cái Chanh (tên cũ: Sông Cá Chanh)	Bắt đầu từ ranh đất ông Tư Lan	Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Sáng	300

17. Xã Gành Hào (4 đoạn, tuyến)

1	1	Đường Phan Ngọc Hiển	Bắt đầu từ xí nghiệp Đông Lạnh (đoạn bờ kè)	cầu Rạch Cóc (gần bến xe Gành Hào) (tên cũ: Đến bến phà Rạch Cóc)	1.200
2	5	Đường Phan Ngọc Hiển	Bắt đầu từ cầu Chà Là (trên lộ)	cầu Rạch Cóc (gần bên xe Gành Hào) (tên cũ: Đến bến phà Rạch Cóc)	3.800
3	33	Đường ấp 3 (dãy sau)	Bắt đầu từ hồ nước cũ của Xí Nghiệp đông lạnh	Đến giáp tuyến đường ấp 3 (dãy trước), (tên cũ: Đến ngã huyện ủy)	1.000
4	34	Đường ấp 3 (dãy sau)	Bắt đầu từ nhà ông Toàn (Sửa xe), (tên cũ: Bắt đầu từ ngã 4 cửa hàng xe Thành Mỹ)	Đến sông Gành Hào	3.600

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)